



wǔ jiào
午觉

noun · afternoon nap

Example Sentences

wǔ jiào shuì de tài jiǔ wǎn shàng huì shuì bù zháo
午觉睡得太久，晚上会睡不着。

If you nap too long, you won't be able to sleep at night.

xià tiān shuì gè wǔ jiào xià wǔ jīng shén huì hǎo hěn duō
夏天睡个午觉，下午精神会好很多。

Taking an afternoon nap in summer makes you much more energetic in the afternoon.

Trace each character, then write the word on your own.

午	午	午	午	午	午	午				
觉	觉	觉	觉	觉	觉	觉	觉	觉	觉	觉
觉										